

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2017/HSST
Ngày : 28/9/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.
- Các hội thẩm nhân dân:
 1. Ông Ngô Văn Nghị.
 2. Bà Nguyễn Thị Diễm Chi.
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đoàn Nhữ Thập.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định, công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 25/2017/HSST ngày 11 tháng 8 năm 2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2017/QĐST-HS ngày 29/8/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Cao Vĩnh T, sinh ngày 12/10/1984; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: thôn H, xã X, huyện T, tỉnh Bình Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Cao Xuân D (sinh năm 1962) và bà Lê Thị S (sinh năm 1963); Vợ: Nguyễn Thị L (sinh năm 1985); Con: có 02 con đều sinh năm 2007; đồng trú: thôn H, xã X, huyện T, tỉnh Bình Định; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:**

+ Trần Thái V1, sinh ngày 29/6/1999 (vắng mặt, ủy quyền lại cho bà Trần Thị L tham gia tố tụng);

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện T, Bình Định.

+ **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Trần Thái V:** Ông Nguyễn Hữu V2 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Định - (có mặt).

+ Trương Ngọc H, sinh năm 1997 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện T, Bình Định.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ NLQ1, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện T, Bình Định.

+ Trần Đình L, sinh năm 1982 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện T, Bình Định.

+ NLQ2, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Địa chỉ: thôn P, xã X, huyện T, Bình Định.
+ NLQ3, sinh năm 1945 (có mặt);
Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện T, Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 17/3/2017, anh Trần Đình L, ở thôn H, xã X, huyện T, tỉnh Bình Định, điều khiển xe ô tô tải BKS 77K - 8817 chở mì lát đi từ huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai đến kho chứa mì “Hoàng Minh” ở xã T, thị xã N, tỉnh Bình Định; đi cùng xe còn có lái xe Cao Vĩnh T. Đến khoảng 00 giờ ngày 18/3/2017, khi đến đoạn Quốc lộ 19 thuộc thôn G1, xã G, huyện T, anh L giao xe ô tô cho T điều khiển chở hàng về kho, còn L ngồi ghế bên phụ ngủ. Khi T điều khiển xe ô tô BKS 77K-8817 đến cầu Đập Bộng, thuộc Quốc lộ 19, thôn A, xã B, huyện T, T điều khiển xe ô tô với vận tốc khoảng 20 km/h, thấy trên mặt cầu ở phần đường phải (phần đường phía nam) có nhiều vết nứt ngang tạo thành các ổ gà nên T xử lý điều khiển xe đi qua phần đường dành cho xe ngược chiều để né tránh thì phát hiện phía trước hướng ngược chiều cách xe ô tô khoảng 10m có Trần Thái V1 điều khiển xe mô tô BKS 77X3-7393 (của ông NLQ3) chở sau Trương Ngọc H đang đến ở phần đường bắc với vận tốc khoảng 50 km/h. T đạp phanh chân, nhưng xe ô tô do T điều khiển đã tông vào xe mô tô 77X3-7393 làm V1, H và xe mô tô ngã xuống đường. Xe ô tô tiếp tục chạy một đoạn khoảng 02 - 03m thì dừng lại. Sau đó, T và anh L xuống xe đưa V1 và H đi cấp cứu.

Dấu vết vụ tai nạn giao thông được mô tả tại biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện và bản ảnh.

Theo kết quả khám nghiệm hiện trường thể hiện: Nơi xảy ra vụ tai nạn tại cầu Đập Bộng đoạn Quốc lộ 19 thuộc thôn A, xã B, huyện T, Bình Định; cầu bắc theo hướng tây đông, phía tây là hướng đi Gia Lai, phía đông là hướng đi An Nhơn; chiều dài cầu là 33,7m, thành cầu cao 1,3m, lòng cầu rộng 11m; được trải nhựa bằng phẳng, không bị che khuất tầm nhìn người tham gia giao thông; trên mặt lòng cầu có vạch kẻ đường liên tục màu vàng rộng 0,15m chia mặt đường làm hai phần đường ngược chiều; phần đường phía bắc chia mặt đường thành hai làn đường: làn đường dành cho xe cơ giới rộng 3,13m, làn đường cho xe thô sơ rộng 2,12m được ngăn cách bởi vạch kẻ đường màu trắng liên tục rộng 0,15m; phần đường phía nam có kích thước tương tự phần đường phía bắc.

Hội đồng khám nghiệm hiện trường theo hướng từ tây sang đông phát hiện và ghi nhận các dấu vết: tại làn đường dành cho xe cơ giới của phần đường phía bắc có một chùm vết ma sát cày không liên tục còn mới, chiều hướng từ tây sang đông dài 1,87m, điểm đầu và điểm cuối cách mép lòng đường phía bắc lần lượt là 2,55m và 2,39m; trên vạch kẻ đường liên tục màu trắng từ phía bắc có một chùm vết ma sát màu đen liên tục dài 2,26m, chiều hướng từ tây sang đông, nội rộng nhất 07cm, điểm đầu cách điểm đầu chùm vết cày không liên tục là 0,4m về hướng bắc, cách mép lòng đường phía bắc là 2,14m, điểm cuối cách mép lòng đường phía bắc là

2,13m; xe ô tô tải biển số 77K-8817 sau tai nạn dừng trên phần đường phía nam, đầu xe quay hướng đông, đuôi xe quay hướng tây, trục sau bên tài cách điểm đầu chòm vết cày không liên tục 10,36m về hướng đông nam, trục trước và trục sau bên phụ cách mép lòng đường phía nam lần lượt là 0,9m và 0,97m, cách điểm đầu chòm vết cày không liên tục 2,2m về hướng tây là vị trí sụt lún (ổ gà) kích thước (1,1x0,4)m, sâu thấp hơn so với mặt đường là 05cm, cách vị trí sụt lún này là khoảng hở giữa hai nhịp cầu tạo nên rộng 0,4m.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về tương tích số: 98/2017/PY-TgT ngày 02/6/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Bình Định kết luận Trần Thái V1 bị các thương tích sau: Chấn thương gây gãy xương hàm dưới, đã điều trị kết hợp xương. Hiện tại chưa can xương, há miệng còn hạn chế; Chấn thương gây gãy 1/3 giữa xương đùi trái và gãy 1/3 giữa xương đùi phải, đã điều trị kết hợp xương. Hiện tại can xương chưa hoàn toàn; Chấn thương gây gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay phải và gãy đầu dưới xương quay phải, đã điều trị kết hợp xương. Hiện tại can xương tốt, thẳng trục; Chấn thương gây gãy đầu dưới hai xương cẳng tay trái, đã điều trị kết hợp xương quay. Hiện tại can xương tốt, thẳng trục; Chấn thương vùng mũi đã điều trị. Hiện tại vẹo vách ngăn, không ảnh hưởng chức năng thở, ngủ. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 72%.

Riêng Trương Ngọc H bị thương nhẹ, đã có đơn từ chối giám định tỉ lệ thương tật và không yêu cầu bồi thường.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Cao Vĩnh T và chủ xe ô tô Trần Đình L đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại Trần Thái V1 với số tiền: 68.000.000 đồng, gia đình bị hại đã bãi nại.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị hại Trần Thái V - bà NLQ1 yêu cầu tính lại mức bồi thường, cụ thể bà yêu cầu các khoản:

- Chi phí điều trị có hóa đơn, chứng từ: 35.700.000đ;
- Tiền xe taxi đi tái khám 03 lần: 1.000.000đ/lần x 03 = 3.000.000đ;
- Tiền xe cấp cứu từ Tây Sơn xuống Bệnh viện tỉnh đi và về: 1.300.000đ;
- Tiền công người chăm sóc 07 tháng: 150.000đ/ngày x 210 ngày = 31.500.000đ;
- Tổn thất tinh thần: 39.000.000đ.

Tổng cộng: 110.500.000đ.

Trừ đi số tiền bị cáo và anh L đã bồi thường trước 68.000.000đ, bà yêu cầu bị cáo và Trần Đình L phải bồi thường thêm cho bị hại: 42.500.000đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Trần Thái V1 trình bày bản luận cứ: Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Cao Vĩnh T phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 202, điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS tuyên phạt bị cáo Cao Vĩnh T từ 6 – 9 tháng tù. Về bồi thường dân sự: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 584, 585, 587, 590 và 601 của BLDS chấp nhận yêu cầu của đại diện bị hại- bà NLQ1, buộc bị cáo Cao Vĩnh T và chủ phương tiện gây tai nạn phải tiếp tục bồi thường cho bị hại Trần Thái V1 số tiền: 42.500.000đ (ngoài số tiền 68.000.000đ đã bồi thường trước đó).

Tại Bản cáo trạng số 28/QĐ - KSĐT ngày 11/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn đã truy tố bị cáo Cao Vĩnh T về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo Khoản 1 Điều 202 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Cao Vĩnh T phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 202; điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46, Điều 33 BLHS tuyên xử bị cáo Cao Vĩnh T mức án từ 06 đến 09 tháng tù.

Về bồi thường thiệt hại: Đại diện bị hại yêu cầu bồi thường thêm tổng số tiền 42.500.000đ ngoài số tiền 68.000.000đ đã bồi thường trước là không phù hợp với thực tế. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 584, 585, 587, 590 và 601 của BLDS chấp nhận một phần yêu cầu của đại diện bị hại, buộc các bên liên quan bồi thường tiếp cho bị hại một khoản tiền phù hợp. Án phí theo quy định.

Về xử lý vật chứng: 01 xe ô tô tải biển số 77K-8817 đã giao lại cho chủ sở hữu là ông Trần Đình L; 01 xe mô tô biển số 77X3-7393 đã giao lại cho chủ sở hữu NLQ3 quản lý sử dụng nên đề nghị miễn xét.

Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tây Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các tài liệu và chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Trên cơ sở lời khai nhận của bị cáo, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã xác định: Bị cáo Cao Vĩnh T có giấy phép lái xe hạng C, trực tiếp điều khiển xe ô tô tải biển số 77K-8817 tham gia giao thông đi không đúng phần đường quy định, gây tai nạn với xe mô tô biển số 77X3-7393 do anh Trần Thái V1 điều khiển chở sau Trương Ngọc H. Hậu quả làm tổn hại sức khỏe của anh Trần Thái V1 với tỷ lệ thương tật là 72%. Bị cáo T đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi vô ý. Hành vi của bị cáo T đã vi phạm quy tắc giao thông đường bộ quy định tại Khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ năm 2008, xâm phạm trật tự an toàn giao thông.

Xét hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm, không những xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác trái pháp luật mà còn gây mất trật tự an toàn giao thông đường bộ ở địa phương. Bị cáo điều khiển xe ô tô tham gia giao thông nhưng không quan sát kỹ mặc dù đoạn đường chỉ hư hỏng nhẹ không gây trở ngại cho việc lưu thông, không bị che khuất tầm nhìn, nhưng bị cáo đã điều khiển xe đi không đúng phần đường quy định quy định. Hậu quả đã gây ra tai nạn làm anh Trần Thái V1 bị tổn hại sức khỏe với tỷ lệ thương tật là 72%, lỗi hoàn toàn thuộc về bị cáo. Hành vi của bị cáo T đã phạm vào khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ năm 2008 nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Cao Vĩnh T đã phạm tội *“Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”* quy định tại khoản 1 Điều 202 Bộ luật hình sự, có nội dung cụ thể như sau: *“1. Người nào điều khiển phương tiện giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho tính mạng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe, tài sản của người khác, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.”*

Do đó cần xử phạt bị cáo một mức án thật nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nhận thức pháp luật của bị cáo còn hạn chế, bị cáo bồi thường và khắc phục hậu quả cho bị hại xong, bị hại đã có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS. Nên cũng cần xem xét giảm nhẹ phần nào về hình phạt cho bị cáo nhưng cũng phải có thời gian cải tạo cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

* Về bồi thường thiệt hại: Bị cáo cùng với anh Trần Đình L (chủ phương tiện gây tai nạn) đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 68.000.000đ. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị hại Trần Thái V1 - bà NLQ1 yêu cầu tính lại mức bồi thường, cụ thể bà yêu cầu các khoản:

- Chi phí điều trị có hóa đơn, chứng từ: 35.700.000đ;
- Tiền xe taxi đi tái khám 03 lần: 1.000.000đ/lần x 03 = 3.000.000đ;
- Tiền xe cấp cứu từ Tây Sơn xuống Bệnh viện tỉnh đi và về: 1.300.000đ;
- Tiền công người chăm sóc 07 tháng: 150.000đ/ngày x 210 ngày = 31.500.000đ;

- Tổn thất tinh thần: 39.000.000đ.

Tổng cộng: 110.500.000đ.

Trừ đi số tiền bị cáo và Trần Đình L đã bồi thường trước 68.000.000đ, yêu cầu bị cáo và Trần Đình L phải bồi thường thêm cho bị hại: 42.500.000đ.

Xét các khoản bồi thường: Chi phí điều trị có hóa đơn, chứng từ, tiền xe cấp cứu đi và về, tổn thất tinh thần là các khoản chi phí hợp lý để khắc phục hậu quả thương tích do bị cáo gây ra nên HĐXX chấp nhận.

Đối với khoản tiền xe tái khám 03 lần với số tiền 3.000.000đ bên bị hại không đưa ra được hóa đơn, chứng từ gì để chứng minh nên HĐXX không chấp nhận.

Xét việc chăm sóc bị hại Trần Thái V1 là thực tế, do thương tích của bị hại gây cản trở cho việc sinh hoạt hàng ngày, cần người chăm sóc nên HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu về công chăm sóc, xét buộc bị cáo và Trần Đình L phải bồi thường cho bị hại 04 tháng công chăm sóc, với mức 120.000đ/ngày (bà NLQ1 là nông dân), tổng số tiền = 14.400.000đ.

Như vậy, tổng mức bồi thường là: 35.700.000đ + 1.300.000đ + 39.000.000đ + 14.400.000đ = 90.400.000đ (Chín mươi triệu bốn trăm nghìn đồng). Bị cáo và chủ xe Trần Đình L đã bồi thường trước 68.000.000đ, cần phải bồi thường tiếp cho bị hại số tiền 22.400.000đ (Hai mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

* Về xử lý vật chứng: 01 xe ô tô tải biển số 77K-8817 đã giao lại cho chủ sở hữu là ông Trần Đình L; 01 xe mô tô biển số 77X3-7393 đã giao lại cho chủ sở hữu NLQ3 quản lý sử dụng nên miễn xét.

Riêng Trương Ngọc H bị thương nhẹ, đã có đơn từ chối giám định tỉ lệ thương tật và không yêu cầu bồi thường nên miễn xét.

- **Về án phí hình sự:** Bị cáo Cao Vĩnh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Án phí DSST:** Bị cáo và Trần Đình L còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, mỗi người phải nộp 5% trên số tiền phải bồi thường.

Vì caùc leõ treân:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Cao Vĩnh T phạm tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ".

* Áp dụng Khoản 1 Điều 202; điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Cao Vĩnh T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thụ hình.

* **Về bồi thường thiệt hại:** Áp dụng các Điều: 584, 585, 587, 590 và 601 của Bộ luật dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Cao Vĩnh T và Trần Đình L (chủ phương tiện gây tai nạn) có trách nhiệm liên đới bồi thường tiếp cho bị hại Trần Thái V1 số tiền 22.400.000đ (Hai mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng) - ngoài số tiền 68.000.000đ đã bồi thường trước, theo đó bị cáo T phải bồi thường: 11.200.000đ, Trần Đình L phải bồi thường: 11.200.000đ.

* **Về xử lý vật chứng:** 01 xe ô tô tải biển số 77K-8817 đã giao lại cho chủ sở hữu là ông Trần Đình L; 01 xe mô tô biển số 77X3-7393 đã giao lại cho chủ sở hữu NLQ3 quản lý sử dụng, nên miễn xét.

* **Án phí:** Bị cáo Cao Vĩnh T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

* **Án phí dân sự:** Bị cáo Cao Vĩnh T và Trần Đình L mỗi người phải chịu 560.000đ (*Năm trăm sáu mươi nghìn đồng*).

* **Quyền kháng cáo:** Báo cho các bên tham gia tố tụng biết có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- CA huyện Tây Sơn;
- Chi cục THADS huyện Tây Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Định;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(*đã ký*)

Nguyễn Thị Giang Nam

